

CHUYÊN MỤC

SỬ HỌC - NHÂN HỌC - NGHIÊN CỨU TÔN GIÁO

## **HOẠT ĐỘNG THÔNG TIN LIÊN LẠC TRÊN ĐOẠN CUỐI ĐƯỜNG HỒ CHÍ MINH, TỪ NAM TÂY NGUYÊN ĐẾN ĐÔNG NAM BỘ (1961-1975)**

**NGUYỄN THỊ KIM NƯƠNG\***

*Năm 1961, đoạn cuối đường vận tải chiến lược 559 (còn gọi là đường Hồ Chí Minh) từ Nam Tây Nguyên đến Đông Nam Bộ được xoi mở thành công và chia làm ba hành lang vào Nam Bộ và cực Nam Trung Bộ (B2). Cung đường này nhanh chóng trở thành hành lang vận chuyển chiến lược của B2, tiếp nhận người và hàng hóa, vũ khí, phương tiện chiến tranh. Thông tin liên lạc hoạt động trên đoạn cuối đường Hồ Chí Minh gồm các phương thức thông tin quân bưu, thông tin vô tuyến điện và thông tin hữu tuyến điện. Bài viết giới thiệu quá trình hình thành đoạn cuối đường Hồ Chí Minh và hoạt động của ba phương thức thông tin liên lạc trên con đường trong những năm kháng chiến chống Mỹ.*

*Từ khóa:* thông tin liên lạc, đoạn cuối đường Hồ Chí Minh, Nam Tây Nguyên, Đông Nam Bộ

*Ngày nhận:* 28/8/2015; *đưa vào biên tập:* 4/3/2016; *phản biện:* 27/3/2017; *duyet đăng:* 2/4/2017

Đoạn Nam Tây Nguyên - Đông Nam Bộ là địa bàn trung gian chuyển tiếp giữa Khu 5 và Nam Bộ. Trong kháng chiến chống Mỹ, đây là địa bàn có đoạn cuối đường Hồ Chí Minh (đường 559) chạy qua. Địa bàn này được cấu

thành bởi hai vùng đất mang đặc điểm địa hình riêng: vùng Nam Tây Nguyên gồm các tỉnh cao nguyên: Lâm Đồng, Quảng Đức (nay thuộc tỉnh Đắk Nông) và Tuyên Đức (nay thuộc tỉnh Lâm Đồng). Miền Đông Nam Bộ gồm các tỉnh có địa hình thấp dần từ bắc xuống nam và bằng phẳng hơn, gồm Bình Long, Phước Long

\* Viện Khoa học xã hội vùng Nam Bộ.

(Bình Phước ngày nay); Tây Ninh; Biên Hòa, Long Khánh (Đồng Nai ngày nay) và Phước Tuy (nay thuộc tỉnh Bà Rịa - Vũng Tàu).

### **1. QUÁ TRÌNH HÌNH THÀNH ĐOÀN CUỐI ĐƯỜNG HỒ CHÍ MINH, TỪ NAM TÂY NGUYÊN ĐẾN ĐÔNG NAM BỘ**

Sau năm 1954, Việt Nam bị chia cắt thành hai miền Nam - Bắc, vĩ tuyến 17 từ giới tuyến quân sự tạm thời trở thành lằn ranh ngăn cách hai miền. Tại miền Nam, Mỹ trực tiếp can thiệp, dựng lên chính quyền Ngô Đình Diệm lệ thuộc và ra sức phá hoại việc thi hành Hiệp định Genève. Năm 1959 chính sách phát xít của chế độ Ngô Đình Diệm và những tổn thất của nhân dân và lực lượng cách mạng miền Nam đã buộc Trung ương Đảng phải thay đổi đường lối đấu tranh hòa bình, quyết định xây dựng lại căn cứ địa và lực lượng vũ trang ở miền Nam. Vấn đề mở một con đường chiến lược nối liền hai miền Nam - Bắc trở thành một đòi hỏi cấp thiết.

Ngày 5/5/1959, Bộ Quốc phòng quyết định thành lập “Đoàn công tác quân sự đặc biệt” để “mở một con đường đặc biệt trên dãy Trường Sơn và tổ chức lực lượng vận chuyển vật chất súng đạn chi viện cho miền Nam...” (Võ Bẩm, Đồng Sĩ Nguyên, Nguyễn Việt Phương 2005: 11). Cũng trong tháng 5/1959, Tổng Quân ủy thành lập Phòng Nghiên cứu công tác chi viện miền Nam do Võ Bẩm phụ trách.

Ngày 19/5/1959, sau nửa tháng chuẩn bị về mọi mặt, Đoàn Vận tải Quân sự 559 chính thức được thành lập, do

Thượng tá Võ Bẩm làm Đoàn trưởng kiêm Bí thư Ban Cán sự. Đoàn 559 được biên chế 500 cán bộ, chiến sĩ; ngoài Ban Chỉ huy, còn có Tiểu đoàn Vận tải bộ 301 và các bộ phận như xây dựng kho, bao gói hàng, sửa chữa vũ khí... Thứ trưởng Bộ Quốc phòng, Trưởng ban Thống nhất Trung ương Nguyễn Văn Vịnh trực tiếp giao nhiệm vụ của Đoàn trong năm 1959: “tổ chức thiết lập tuyến hành lang, nối thông liên lạc, vận chuyển gấp một số hàng quân sự thiết yếu theo yêu cầu của chiến trường Khu 5: khoảng 7000 súng bộ binh và bảo đảm cho 500 cán bộ trung - sơ cấp hành quân qua tuyến vào tăng cường cho chiến trường” (Võ Bẩm, Đồng Sĩ Nguyên, Nguyễn Việt Phương 2005: 15).

Đến tháng 7/1959, nhiệm vụ mở đường giao liên vận tải vào khu 5 của Đoàn 559 đã hoàn tất. Tính đến cuối năm 1959, Tiểu đoàn 301 đã vận chuyển “1.667 khẩu súng các loại, 188kg thuốc nổ TNT, 788 dao găm” (Hồ Sơn Đài 2004: 64), cùng nhiều đồ dùng quân sự khác tăng cường cho miền Nam.

Tuy nhiên, các đơn vị của 559 vẫn chưa khai mở được đoạn cuối đường Hồ Chí Minh, từ Nam Tây Nguyên đến Đông Nam Bộ. Đây là vùng đất án ngữ những vị trí xung yếu tiến vào Sài Gòn và là vùng tiếp giáp biên giới Việt Nam - Campuchia. Khu vực này không chỉ giữ vai trò quan trọng đối với Mỹ và chế độ Việt Nam Cộng hòa mà còn có ý nghĩa quan trọng đối với lực lượng cách mạng miền Nam Việt Nam.

Mặt khác, dân cư vùng đất này lại thừa thớt, phức tạp về sắc tộc và tôn giáo nên thường xuyên bị các thế lực xâm lược thực hiện chính sách “chia để trị”. Những đặc điểm về vị trí địa lý và dân cư trên địa bàn Nam Tây Nguyên - Đông Nam Bộ gây ra nhiều khó khăn trong việc móc nối, xây dựng cơ sở cách mạng trong quần chúng. Tuy nhiên, trước tình hình mới, lực lượng cách mạng Nam Bộ quyết tâm xây dựng tuyến vận tải chiến lược đi qua vùng này.

Từ tháng 9/1959 đến đến 11/1959, trên địa bàn từ Nam Tây Nguyên đến Đông Nam Bộ có ba lực lượng vũ trang đặc biệt được thành lập nhằm xoi mở đường, khai thông đoạn cuối đường Hồ Chí Minh: tháng 5/1959, Bộ Quốc phòng phối hợp với Ban Thống nhất Trung ương thành lập Đoàn B.90, do Trần Quang Sang làm Đoàn trưởng, hợp nhất với đội vũ trang công tác bắc Đăk Mil (nam Đăk Lăk) gây dựng cơ sở và xoi mở đường từ phía bắc vào Đông Nam Bộ; tháng 9/1959, Khu ủy và Ban Quân sự miền Đông (Nam Bộ) thành lập Đoàn C.200 do Phạm Hồng Sơn làm Trưởng đoàn, làm nhiệm vụ xoi mở đường từ phía Đông Nam Bộ lên phía Nam Tây Nguyên, tìm cách hợp nối với Đoàn B.90 từ phía bắc mở vào; tháng 11/1959, Khu ủy miền Đông tổ chức thêm đoàn mở đường thứ 2, có phiên hiệu là C.300 (do Lâm Quốc Đăng, tức Tư Thước làm trưởng đoàn). Tháng 9/1960, lực lượng của C.300 hợp nhất với Ban Cán sự Phước Long

thành đội vũ trang công tác có phiên hiệu là C.270. Nhiệm vụ của C.270 là vừa gây dựng cơ sở cách mạng vừa mở đường, tìm cách bắt liên lạc với Đoàn B.90. Đến ngày 1/1/1960, Đội 1 của Đoàn B.90 đã gặp tổ trình sát Đoàn C.200 tại Vàm Đăk R’Tinh phía đông tỉnh Quảng Đức; tuy nhiên phải nhiều tháng sau, ngày 4/11/1960, Đội 2 của Đoàn B.90 mới gặp tổ liên lạc của C.270 - Phước Long tại trụ cây số 4, đường Đăk Song - Gia Nghĩa ở hướng tây tỉnh Quảng Đức. Sau sự kiện này, con đường vận tải chiến lược 559 đã thông suốt đến Nam Bộ.

Đoạn cuối đường Hồ Chí Minh từ Nam Tây Nguyên đến Đông Nam Bộ được chia làm 3 cung đường hành lang: từ sông Srê Pôc đến chân núi Nam Nung; nhánh hành lang phía đông (Quảng Đức - Mã Đà - Tà Lài - Cát Tiên): hợp nhất từ hai hành lang Đ1 và Đ3; nhánh hành lang phía tây (Gia Nghĩa - Phước Long - Đồng Xoài - Chiến khu Đ), còn gọi là hành lang Đ2. Đến tháng 8/1961, hành lang đông - tây được mở ra từ cực Nam Trung Bộ đến tận biên giới Việt Nam - Campuchia, nối với đường hành lang chiến lược Bắc - Nam từ Đ1 về cực Nam Trung Bộ (Phùng Đình Ấm 2009).

## **2. HOẠT ĐỘNG THÔNG TIN LIÊN LẠC TRÊN ĐOẠN CUỐI ĐƯỜNG HỒ CHÍ MINH**

Nhận thấy được tầm quan trọng của đường vận tải chiến lược 559 và hoạt động thông tin liên lạc trên con đường này không quân Mỹ thường xuyên

thực hiện các cuộc không kích nhằm phá hủy con đường và làm tê liệt các hoạt động chỉ đạo, chỉ huy của cách mạng miền Nam. Vì vậy, thông tin liên lạc trên đường Hồ Chí Minh nói chung và trên đoạn Nam Tây Nguyên - Đông Nam Bộ nói riêng luôn phải đối phó với sự đánh phá quyết liệt của quân Mỹ và quân Sài Gòn. Để đối phó với kẻ địch, lực lượng thông tin đã tổ chức hoạt động thông tin theo ba phương thức, gồm thông tin vận động hay còn gọi là thông tin quân bưu, thông tin vô tuyến điện và thông tin hữu tuyến điện (hai phương thức thông tin liên lạc này còn được gọi chung là thông tin điện báo). Lực lượng tham gia hoạt động thông tin liên lạc trên địa bàn này bao gồm cả các đơn vị chuyên trách (trực thuộc Miền), bán chuyên trách và nhân dân địa phương (chủ yếu là đồng bào dân tộc). Địa bàn hoạt động của thông tin liên lạc tập trung ở các căn cứ địa lớn ở Đông Nam Bộ và các hành lang nối các căn cứ địa lớn này với toàn B2.

### 2.1. Thông tin quân bưu

Thông tin quân bưu là là hoạt động “thông tin liên lạc do người đến tận nơi (bằng phương tiện hoặc đi bộ) và trực tiếp chuyển tin tức cho bộ phận thu (hoặc ngược lại) dưới hai dạng: văn bản (mệnh lệnh, chỉ thị, báo cáo, công văn, tài liệu...) hoặc bằng lời” (Trung tâm Từ điển Bách khoa Quân sự 2004: 938). Quân bưu được coi là một dạng thông tin vận động điển hình. Loại hình thông tin liên lạc này bảo đảm tính bí mật, chuyển được nhiều

công văn, tài liệu nhưng thời gian chuyển tin lâu vì phụ thuộc vào nhiều yếu tố, như con người, phương tiện cơ động, địa hình, thời tiết... Tùy theo cự li, địa hình, phương tiện cơ động, tình hình... mà thông tin được truyền trực tiếp (giao nhận một lần) hoặc qua trung gian (giao nhận nhiều lần qua các trạm chuyển tiếp).

Tuy nhiên, trong cuộc kháng chiến chống Mỹ, thông tin quân bưu không chỉ chuyển công văn, thư từ, mà còn làm công việc đảm bảo (liên lạc dẫn đường) cho các đoàn người từ Bắc vào (và từ Nam ra) kể cả bảo đảm đưa vũ khí, khí tài về đến các căn cứ ở B2.

Lực lượng thông tin quân bưu được hình thành trên cơ sở các đội tham gia xoi mở đường (B90, C200...) từ Nam Tây Nguyên đến miền Đông Nam Bộ. Phương thức hoạt động thời gian đầu chủ yếu là chạy bộ, gửi thồ. Điều kiện sinh hoạt và chiến đấu trên đoạn cuối đường Hồ Chí Minh từ Nam Tây Nguyên - Đông Nam Bộ vô cùng khó khăn và nguy hiểm. Người đảm nhận công tác thông tin phải đáp ứng nhiều yêu cầu trong mọi tình huống. Do đó, ngay từ đầu, việc tổ chức và xây dựng đội ngũ cán bộ, chiến sĩ thông tin liên lạc chú ý nhiều đến các phẩm chất như kiên trung, tự cường, linh hoạt, sáng tạo trong công tác nhằm thực hiện tốt nhiệm vụ theo tinh thần “kịp thời, chính xác, bí mật, an toàn”.

Thông tin quân bưu giữ vai trò quan trọng trong thời kỳ đầu cuộc kháng chiến. Hoạt động của các trạm liên lạc

quân bưu gắn liền với sự thay đổi các cung đường của đoạn cuối đường Hồ Chí Minh. Từ năm 1961 đến năm 1963, các trạm được tổ chức theo hai đường hành lang Đ1 ở phía đông và Đ2 ở phía tây. Các trạm giao liên trên đoạn hành lang từ sông Srê Pôck đến chân núi Nam Nung là đầu cầu tiếp nhận chi viện của miền Bắc về người, vũ khí và hàng hóa vào chiến trường B2. Đến chân núi Nam Nung, các đoàn quân sự từ Bắc vào tiếp tục hành quân về Chiến khu Đ theo đường Đ2 ở phía tây; các đoàn cán bộ dân, chính, đảng và hàng hóa (nhu yếu phẩm, vũ khí, khí tài) được chuyển qua đường Đ1 ở phía đông (Phùng Đình Ấm 2009: 92). Sau khi tuyến đường vận chuyển trên biển (759) được mở ra, việc đưa vũ khí qua đường bộ 559 được hạn chế dần. Từ năm 1964, cuộc chiến tranh ngày càng ác liệt, mức độ đánh phá của bom đạn Mỹ vào các tuyến hành lang ngày càng tăng. Người và hàng hóa từ miền Bắc vào không đi trên đường hành lang Đ1 nữa mà tập trung đi trên đường Đ2. Đ1 trở thành hành lang nội địa giữa Quảng Đức và Khu 6. Đến năm 1967, toàn tuyến hành lang chuyển sang biên giới phía tây. Đặc biệt, sau tổng tiến công và nổi dậy Tết Mậu Thân 1968, các tuyến hành lang trên đoạn cuối đường Hồ Chí Minh (trên đất Việt Nam) đều bị cắt đứt (Lê Chính 2012: 142). Năm 1970, Đoàn 559 tổ chức lại các đường giao liên trên cung đoạn này. Bộ Chỉ huy Miền (B2) xây dựng nhiều khu căn cứ dọc theo biên giới Campuchia - Việt Nam

để tạo điều kiện tăng cường tiếp nhận chi viện của miền Bắc. Những năm cuối của chiến tranh (1973 - 1975), lượng người và hàng hóa tiếp nhận trên đoạn cuối đường Hồ Chí Minh tăng mạnh. Phần lớn tuyến đường phía đông đã được xây dựng thành đường ô tô chạy, vì vậy phương thức hoạt động lúc này không còn là đi bộ hay gùi thồ nữa mà gần như đã được cơ giới hóa hoàn toàn (Phan Hữu Đại - Nguyễn Quốc Dũng 1999).

## **2.2. Thông tin liên lạc vô tuyến điện và thông tin liên lạc hữu tuyến điện**

Thông tin liên lạc vô tuyến điện được định nghĩa là: “Thông tin liên lạc mà tín hiệu được truyền đi ở dạng sóng điện từ thuộc dải vô tuyến điện (tần số từ  $3 \cdot 10^3$  đến  $3 \cdot 10^{12}$  Hz) trong không gian nhờ các máy vô tuyến điện; có thể truyền tiếng nói (thoại), số liệu, hình ảnh (truyền ảnh, truyền hình)... Theo dải sóng sử dụng, có: thông tin liên lạc vô tuyến điện sóng dài, sóng trung, sóng ngắn và cực ngắn (Trung tâm Từ điển Bách khoa Quân sự 2004: 939-940). Thông tin liên lạc vô tuyến điện cho phép liên lạc giữa các đối tượng đang chuyển động, ở cự li xa, trên mọi địa hình, thời tiết, triển khai và thu hồi nhanh. Nhược điểm của loại hình thông tin này là chất lượng thông tin phụ thuộc vào môi trường truyền tin, tính bí mật thấp, chống nhiễu kém.

Thông tin liên lạc hữu tuyến điện là: “thông tin liên lạc có môi trường truyền tin là dây dẫn và tin tức truyền đi dưới dạng dao động điện (dòng

điện hoặc điện áp (Trung tâm Từ điển Bách khoa Quân sự 2004: 938). Ưu điểm: ổn định, thuận tiện, ít bị gây nhiễu, tương đối bí mật, ít phụ thuộc vào môi trường, với thiết bị ghép kênh có thể tăng số kênh liên lạc trên một đôi dây. Nhược điểm: khi tổ chức cần nhiều thời gian, lực lượng, kém cơ động, dễ bị phá hoại do đối phương hoặc do tự nhiên (đứt dây do bão, thú rừng...).

Hai phương thức thông tin này mang tính chất kỹ thuật cao. Do đó, lực lượng thực hiện phải được đào tạo kỹ thuật chuyên môn để sử dụng thông thạo các phương tiện thông tin. Đội ngũ thông tin vô tuyến điện và hữu tuyến điện được xây dựng và phát triển bắt đầu từ “17 cán bộ thông tin liên lạc” của Đoàn Phương Đông 1 vào miền Nam năm 1961 (Lê Chính 2012: 31). Tuy nhiên, đoàn vào Nam di chuyển chủ yếu bằng đi bộ nên không thể mang vác nhiều. Những máy thông tin cần thiết nhất cho quá trình hành quân và cho chiến trường miền Nam được chọn để mang đi gồm “4 đài 15W (2 máy 102E mang biển số 012 và OPO, một máy GRC-9 và một máy 694), có một Ragono dự bị và sáu tháng pin 81 để làm việc” (Lê Chính 2012: 31).

Đoàn Phương Đông do Thiếu tướng Trần Văn Quang (Bảy Tiến) – nguyên Phó Tổng Tham mưu trưởng Quân đội Nhân dân Việt Nam, sau này là Trưởng Ban Quân sự Miền (B2) – làm trưởng đoàn. Đây là đoàn cán bộ quân sự cao cấp đầu tiên được tăng

cường cho miền Nam, có quân số “gần 600 người” (Minh Khoa, Lam Giang 2004: 100), thành phần ngoài khung cán bộ chỉ huy chung cho Miền và các quân khu, còn có lực lượng nòng cốt của các binh chủng: đặc công, công binh, pháo binh, thông tin. Từ các cán bộ, chiến sĩ ban đầu này, Phòng Thông tin Ban Quân sự Miền và các quân khu bắt đầu được thiết lập, sau đó các đơn vị thông tin lần lượt ra đời.

Lúc đầu các phương tiện thông tin, các loại máy được chi viện cho miền Nam gồm có BC1000, GRC-9, SCR-694, BC-611. Đây là các máy chiến lợi phẩm thu được trong kháng chiến chống Pháp. Về sau, có thêm các loại máy được viện trợ từ các nước xã hội chủ nghĩa như 702, 71B, K63, 102-E. Tất cả phương tiện thông tin trước khi gửi vào Nam đều được xóa sạch kí hiệu và thay bằng tiếng Anh nhằm đảm bảo bí mật.

Bắt đầu từ quân số và phương tiện ít ỏi, nhưng lực lượng thông tin điện báo đã nhanh chóng phát triển. Ngoài sự chi viện liên tục từ miền Bắc, lực lượng thông tin B2 cũng tự đào tạo và cung ứng tại chỗ. Từ năm 1963, các trường huấn luyện thông tin (Trường C84), Xưởng Sửa chữa Thông tin (X35), kho thông tin... được thành lập. Cùng với việc học tập để nâng cao trình độ chuyên môn, cán bộ chiến sĩ các trường, xưởng đã nghiên cứu nâng cấp, chế tạo nhiều máy vô tuyến điện (máy AB64, đài 15W...) và các đường dây của phương tiện thông tin

hữu tuyến điện. Hoạt động sản xuất của xưởng X35 tăng mạnh kể từ năm 1967-1968, nhằm đối phó với hai cuộc phản công mùa khô (1965-1967) của Mỹ và chuẩn bị cho tổng tấn công và nổi dậy Tết Mậu Thân 1968. Tính đến cuối năm 1967, Phòng Thông tin Miền đã huy động khí tài thông tin chuẩn bị cho đợt hoạt động Tết Mậu Thân gồm “100 bộ thu phát vô tuyến điện 15W loại 102E và 81, 177 bộ thu phát AB67 do Xưởng Thông tin Miền tự lắp, 672 máy vô tuyến điện bộ đàm, 90 tổng đài một cửa, 2035 km dây đơn điện thoại Trung Quốc, 2000 km dây súp (loại tự mua để dùng cho điện thoại), 935 máy lẻ điện thoại, hàng triệu viên pin, 505 bộ máy thông tin” (Phòng Khoa học Quân sự Quân khu 7: 8).

Đầu năm 1969, vùng giải phóng bị thu hẹp dần, quân Mỹ và Sài Gòn tăng cường càn quét, quân số và máy móc của lực lượng thông tin bị phân tán và tổn thất. Các cơ quan lãnh đạo, chỉ huy Miền, một số phân khu và các đơn vị chủ lực tạm thời lui về đứng chân ở vùng biên giới Việt Nam - Campuchia. Hành lang giao liên vận chuyển trên địa bàn hầu như đều bị cắt đứt. Cùng với các đơn vị địa phương, một bộ phận lực lượng thông tin liên lạc vẫn kiên trì bám trụ địa bàn, bền bỉ triển khai các phương tiện thông tin vô tuyến điện, hữu tuyến điện và thông tin quân bưu, không để thông tin liên lạc với chiến trường nội địa B2 bị đứt quãng. Sau năm 1970, hoạt động thông tin liên lạc từng bước

được khôi phục. Đặc biệt, lực lượng thông tin đã phục vụ đắc lực trong chiến dịch Nguyễn Huệ, từ đó tái lập lại đầu cầu tuyến vận chuyển 559 ở Bù Gia Mập (Bình Phước) và chuỗi các căn cứ địa khác ở B2, gây dựng lại các hành lang quan trọng như trước năm 1968 (Cục Hậu cần Quân khu 7 1987). Trong giai đoạn cuối của cuộc chiến, lực lượng thông tin liên lạc được phát triển nhảy vọt cả về số lượng và chất lượng. Đường dây thông tin hữu tuyến đã được kết nối thông suốt từ Hà Nội vào đến tận căn cứ của Bộ Chỉ huy Miền và Trung ương Cục ở Lộc Ninh (Bình Phước) và Tân Biên (Tây Ninh). Hệ thống thông tin liên lạc các cấp đảm bảo sự lãnh đạo, chỉ đạo của Trung ương Đảng và Trung ương Cục thông suốt xuống các chiến trường (Lê Chính 2012: 205-206). Vì vậy, trong cuộc tổng tiến công mùa xuân 1975, các loại phương tiện thông tin đã phát huy hiệu suất, bảo đảm phát lệnh tiến công thống nhất, đồng loạt và sự hiệp đồng tác chiến chính xác giữa các quân binh chủng, các đơn vị, các địa phương, góp phần quan trọng vào thắng lợi cuối cùng.

### **3. VAI TRÒ CỦA HOẠT ĐỘNG THÔNG TIN LIÊN LẠC TRÊN ĐOẠN CUỐI ĐƯỜNG HỒ CHÍ MINH**

a) Góp phần quan trọng duy trì tuyến giao liên huyết mạch, đảm bảo sự nối liền hậu phương miền Bắc đến chiến trường trọng điểm Nam Bộ

Đoạn cuối đường Hồ Chí Minh là cầu nối Nam Bộ với Khu 5, Trị Thiên và xa

hơn là hậu phương miền Bắc. Do vậy việc đảm bảo thông tin, liên lạc trên đoạn cầu nối này có ý nghĩa chiến lược đối với cả Khu 6 và Nam Bộ.

Những năm đầu chiến tranh, do mới hình thành nên lực lượng thông tin liên lạc trên địa bàn này gặp nhiều khó khăn về vật tư, khí tài, các phương tiện thông tin và thiếu thốn đội ngũ cán bộ thông tin. Tuy nhiên, với tinh thần tự lực tự cường, sáng tạo, ngành thông tin liên lạc đã đảm bảo việc giữ vững liên lạc với Trung ương Đảng và Bộ Tổng tham mưu ở Hà Nội. Những báo cáo, công văn từ Khu 6 và Nam Bộ được chuyển ra Bắc kịp thời. Từ đó, Trung ương Đảng và Bộ Tổng tham mưu theo sát được tình hình đang diễn ra ở chiến trường B2, đưa ra những chỉ đạo đúng đắn, kịp thời. Trong từng trận đánh, ngành thông tin liên lạc đã làm tốt công tác giữ vững liên lạc giữa Bộ chỉ huy Miền với các đơn vị, góp phần quan trọng bảo vệ các căn cứ địa (trong đó có các căn cứ địa đầu não) và đường giao liên trên đoạn cuối đường Hồ Chí Minh tỏa đi toàn B2, diễn hình như việc đánh bại các cuộc phản công mùa khô 1965-1967 của Mỹ ở Đông Nam Bộ.

Càng về sau, chiến tranh càng ác liệt, phương tiện thông tin liên lạc của ta bị thiệt hại nghiêm trọng do sự đánh phá ác liệt của địch: các cung trạm và đường dây quân bưu thường xuyên bị phục kích, công tác liên lạc trên đoạn cuối đường Hồ Chí Minh cũng như việc dẫn đường cho các đoàn vận chuyển hàng chi viện từ miền Bắc vào

gặp không ít khó khăn; các đường dây hữu tuyến điện bị thiệt hại lớn bởi bom pháo; các đài vô tuyến điện bị phá sóng bởi các đài vô tuyến của đối phương. Đặc biệt, trong trận tổng tấn công và nổi dậy Tết Mậu Thân 1968, ngay trong đợt 1, Sở Chỉ huy tiền phương Miền không nắm được tình hình các mũi tiến sâu vào nội thành, do đơn vị thông tin đóng chốt ở cầu Phú Bình hy sinh hết, khiến việc hợp đồng giữa lực lượng thọc sâu và biệt động không như kế hoạch, dẫn đến nhiều tổn thất (Lê Chính 2012: 123). Tuy khó khăn và nguy hiểm chồng chất nhưng lực lượng thông tin liên lạc vẫn cố gắng khắc phục bằng mọi biện pháp, vì vậy đã giữ được sự thông suốt từ Bắc vào Nam, từ Trung ương đến chiến trường miền Nam, từ Bộ chỉ huy Miền và các Quân khu đến các đơn vị... đáp ứng được yêu cầu trong những giai đoạn ác liệt nhất của cuộc kháng chiến. Trong những năm cuối của cuộc chiến tranh (1973-1975), với sự nỗ lực vượt bậc, lực lượng thông tin liên lạc đã xây dựng được một hệ thống thông tin hữu tuyến trực tiếp với Hà Nội, kết hợp với các lực lượng thông tin khác cũng được củng cố mạnh mẽ, đã góp phần quan trọng vào thắng lợi của cuộc tổng tiến công năm 1975.

b) Góp phần bảo đảm đường hành quân, đường vận chuyển phục vụ chiến trường Nam Bộ và cực Nam Trung Bộ

Một trong những hoạt động của lực lượng thông tin liên lạc ở đường 559

nói chung và đoạn cuối 559 là đảm bảo tiếp nhận và dẫn đường cho các đơn vị quân đội và các đoàn dân sự từ miền Bắc vào Nam và từ miền Nam ra Bắc. Ngay từ thời gian đầu thành lập, trong hai năm 1961-1962, thông qua đoạn cuối đường Hồ Chí Minh, B2 đã “tiếp nhận 4.635 cán bộ”, chiến sĩ và nhân viên (bao gồm cả các đoàn quân sự và dân sự) (Trần Thị Nhung 2011: 185). Càng về sau, đặc biệt là lúc chiến tranh ở giai đoạn ác liệt, các đơn vị quân đội và các đoàn dân sự vào Nam càng gia tăng. Chẳng hạn, chỉ trong 4 tháng đầu năm 1970, từ tháng 1 đến tháng 4/1970, đoàn 559 đã bàn giao cho Nam Bộ “120 đoàn quân, với 30.800 quân, đưa 4000 thương binh từ Nam Bộ ra hậu phương” (Phan Hữu Đại - Nguyễn Quốc Dũng 1999: 306). Trong những năm 1973-1975, đặc biệt năm 1975, lực lượng thông tin liên lạc đã giúp đảm bảo đưa một lực lượng quân sự và dân sự lớn nhất vào Nam Bộ để tham gia chiến dịch Hồ Chí Minh và tiếp quản Nam Bộ.

Không chỉ là nơi tiếp nhận và vận chuyển các lực lượng quân sự và dân sự, đoạn cuối đường Hồ Chí Minh còn là tuyến đường vận chuyển vũ khí, phương tiện chiến tranh và hậu cần kỹ thuật từ hậu phương lớn vào chiến trường miền Nam. Trong thời gian đầu thành lập đường 559, lực lượng trên hành lang đã vận chuyển khối lượng hàng hóa ứ đọng tại các tỉnh Tây Nguyên vào B2, đáp ứng nhu cầu khởi phát cuộc kháng chiến ở chiến

trường xa nhất (Nguyễn Huy Ninh 1998). Tuy nhiên, hành lang chiến lược mới được xoi mở nên điều kiện đi lại còn nhiều khó khăn, phương thức vận chuyển chủ yếu là gùi thồ, trong điều kiện rừng núi hiểm trở, nên lượng hàng hóa, phương tiện chiến tranh vận chuyển qua tuyến đường chưa nhiều. Vì vậy, sau khi đường vận chuyển vũ khí trên biển được khai thông (từ cuối năm 1962), hàng hóa, vũ khí vận chuyển chủ yếu theo đường biển. Từ giữa năm 1970 đến những năm cuối cuộc chiến, một phần do tuyến đường trên biển không còn hiệu quả, một phần do các tuyến đường Hồ Chí Minh trên bộ từng bước được cơ giới hóa, nên đoạn cuối đường Hồ Chí Minh trở thành tuyến đường chính vận chuyển vũ khí và các hàng hóa chi viện khác (Trần Thị Nhung 2011). Tính đến cuối tháng 6/1972, khối lượng hàng của Đoàn 470 đã bàn giao cho Nam Bộ “trong 6 tháng đạt mức 5.150 tấn” (Phan Hữu Đại-Nguyễn Quốc Dũng 1999: 497). Từ năm 1973, Lộc Ninh, Bù Đốp, Bù Gia Mập đã trở thành những đầu cầu tiếp nhận hàng qui mô lớn ở đoạn cuối đường Trường Sơn. Đến cuối năm 1973, việc vận chuyển hàng cho Nam Bộ đã được cơ giới toàn bộ. Các sư đoàn vận tải ô tô 571 và sư đoàn 471 chuyển hàng thẳng vào Lộc Ninh, Bù Đốp theo tuyến phía đông. Ở phía tây, đoàn 470 vẫn sử dụng xuồng máy để vận chuyển hàng dọc theo sông Mê Kông, giao hàng cho Campuchia và Nam Bộ. Đường 13 từ thị xã Kratie

về Lộ trình được Đoàn 470 sửa chữa và nâng cấp nhiều đoạn. Số lượng chi viện về vũ khí, hàng hóa chuyển vào B2 trong 4 năm cuối của cuộc chiến qua đường 559 có sự gia tăng rất lớn (năm 1972: 5.161 tấn; năm 1973: 5.389 tấn; năm 1974: 30.233 tấn; năm 1975: 72.381 tấn) (Tổng cục Hậu cần 1986: 546, 552).

c) Góp phần xây dựng lực lượng, phát triển phong trào du kích chiến tranh trên dọc địa bàn hành lang giao thông liên lạc

Đến tháng 7/1959, địa bàn giáp giới giữa Nam Tây Nguyên - Đông Nam Bộ vẫn là "vùng trắng", vì lực lượng cách mạng chưa xây dựng được cơ sở trong quần chúng. Năm 1960, trong quá trình xoi mở đường nối liền Nam Tây Nguyên - Đông Nam Bộ, các đoàn công tác B90, C200, C300 (sau là C270) đã vừa dò đường, vừa thiết lập nhiều cơ sở cách mạng trong vùng đồng bào dân tộc. Sau khi quá trình xoi mở hoàn tất, lực lượng thông tin liên lạc bắt đầu thiết lập các cung, trạm trên tuyến đường, thực hiện nhiệm vụ phục vụ lãnh đạo chỉ huy quân sự trên chiến trường. Song song với nhiệm vụ trên, lực lượng thông tin liên lạc trên tuyến đường tiếp tục vận động, hỗ trợ đồng bào nổi dậy phá ách kìm kẹp của ngụy quyền tại địa phương, chống càn quét, giành quyền làm chủ buôn làng; giúp đỡ đồng bào sản xuất nông nghiệp, tuyên truyền đường lối cách mạng, gây dựng lòng tin trong nhân dân về cách mạng. Nhiều cán bộ, chiến sĩ học theo tiếng

nói và văn hóa của các tộc người thiểu số trên tuyến hành lang để tạo quan hệ gần gũi, gắn bó với người dân. Bên cạnh đó, lực lượng thông tin liên lạc còn vận động nhân dân dọc hành lang tham gia bảo vệ hành lang, cung cấp lương thực thực phẩm, dẫn đường cho các lực lượng gửi hàng, tham gia nối dây, chạy bộ, vận chuyển hàng hóa, bảo vệ cán bộ thông tin liên lạc... Do đó, có thể nói hoạt động thông tin liên lạc đã góp phần xây dựng lực lượng cách mạng, phát triển phong trào du kích chiến tranh trên dọc địa bàn hành lang giao thông liên lạc. Với sự giúp sức của nhân dân và lực lượng du kích địa phương, lực lượng thông tin liên lạc đứng chân trên hành lang đã tự cung cấp lương thực, thực phẩm, không chỉ bảo đảm đời sống mà còn hỗ trợ một phần cho các lực lượng khác. Căn cứ được củng cố, hành lang giao liên được bảo vệ an toàn.

#### 4. LỜI BÀN THÊM

Trong thời gian mới hình thành, thông tin quân bưu giữ vai trò quan trọng trong việc đảm bảo sự liên lạc và chi viện từ miền Bắc vào trên đoạn cuối đường Hồ Chí Minh. Tuy nhiên, vai trò của thông tin quân bưu ngày càng giảm khi chiến tranh ngày càng leo thang ác liệt. Thông tin hữu tuyến điện là một bộ phận quan trọng khác của lực lượng thông tin trên đoạn cuối đường Hồ Chí Minh. Tuy nhiên loại hình hoạt động thông tin này lại bị nhiều yếu tố chi phối (địa hình núi non; dễ bị hư tổn, mất mát do thú rừng,

thời tiết...; tỉ lệ hy sinh cao đối với chiến sĩ kéo đường dây), nên khó phát triển rộng trong điều kiện chiến trường ác liệt. Vì vậy, thông tin vô tuyến điện, vốn có nhiều ưu điểm “cho phép liên lạc giữa các đối tượng đang chuyển động, cự li xa với mọi địa hình, thời tiết; triển khai, thu hồi nhanh” (Trung tâm Từ điển Bách khoa Quân sự 2004: 939), nên ngày càng giữ vai trò quan trọng trong hoạt động thông

tin liên lạc trên đoạn cuối đường Hồ Chí Minh. Tuy có những ưu thế và hạn chế riêng, nhưng cả ba hoạt động thông tin liên lạc trên đều đã thực hiện được mục đích chung là đảm bảo “sợi dây được nối liền” (sự lãnh đạo, chỉ huy và vận tải...) của cơ quan đầu não kháng chiến miền Nam đến các cơ quan, đơn vị trên địa bàn, và “nối liền” hậu phương miền Bắc với tiền tuyến miền Nam. □

#### CHÚ THÍCH

<sup>(1)</sup> Các đại diện Khu 5 – Trị Thiên tham gia cuộc họp gồm Ủy viên Khu ủy Nguyễn Quyết (ông Giáo Dụng) phụ trách công tác liên hệ với miền Bắc; Bí thư Tỉnh ủy Quảng Trị Trương Chí Công; Tỉnh ủy viên Quảng Trị Lê Hành; Bí thư đặc khu Vĩnh Linh Hồ Sĩ Thân.

#### TÀI LIỆU TRÍCH DẪN

1. Cục Hậu cần Quân khu 7. 1987. *Biên niên những sự kiện lịch sử hậu cần trên chiến trường miền Đông Nam Bộ trong kháng chiến chống Mỹ, cứu nước (1954-1975)*, lưu hành nội bộ.
2. Hồ Sơn Đài (chủ biên). 2004. *Lịch sử Bộ Chỉ huy Miền (1961-1976)*. Hà Nội: Nxb. Chính trị Quốc gia.
3. Lê Chính (chủ biên). 2012. *Lịch sử bộ đội thông tin Miền (1961-1975)*. Hà Nội: Nxb. Chính trị Quốc gia - Sự thật.
4. Minh Khoa, Lam Giang. 2004. *Đoàn Phương Đông*. Hà Nội: Nxb. Quân đội Nhân dân.
5. Nguyễn Huy Ninh (chủ biên). 1998. *Giao bưu các tỉnh Tây Nguyên trong kháng chiến chống Mỹ cứu nước (1954-1975)*. Hà Nội: Nxb. Chính trị Quốc gia.
6. Phan Hữu Đại - Nguyễn Quốc Dũng. 1999. *Lịch sử đoàn 559, bộ đội Trường Sơn, đường Hồ Chí Minh*. Hà Nội: Nxb. Quân đội Nhân dân.
7. Phòng Khoa học Quân sự Quân khu 7. *Bản thành tích Xưởng Thông tin B2 trong kháng chiến chống Mỹ (1961-1975)*.
8. Phòng Khoa học Quân sự Quân khu 7. *Báo cáo thành tích của Phòng Thông tin Miền*. Lưu trữ thư viện: TL 8584.
9. Phùng Đình Ấm (chủ biên). 2009. *Mở đường Hồ Chí Minh đoạn từ Nam Tây Nguyên đến miền Đông Nam Bộ*. Hà Nội: Nxb. Chính trị Quốc gia.
10. Tổng cục Hậu cần. 1986. *Tổng kết công tác hậu cần chiến trường Nam Bộ - Cục Nam Trung Bộ (B2) trong kháng chiến chống Mỹ*.
11. Trần Thị Nhung. 2011. *Lịch sử vùng đất Nam Bộ một số kết quả nghiên cứu*. Hà Nội:

Nxb. Khoa học Xã hội.

12. Trung tâm Từ điển Bách khoa Quân sự. 2004. *Từ điển bách khoa quân sự Việt Nam*. Hà Nội: Nxb. Quân đội Nhân dân.

13. Võ Bẩm, Đồng Sĩ Nguyên, Nguyễn Việt Phương. 2005. *Đường về thành phố mang tên Bác*. Hà Nội: Nxb. Quân đội Nhân dân.